

Số: /GPMT-TNMT

Phú Thọ, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Phú Thọ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ;

Căn cứ Quyết định số 998/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Phú Thọ về việc uỷ quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, cấp giấy phép môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 198/TASCO-CV ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Công ty Cổ phần Tasco về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần Tasco, địa chỉ tại Tầng 1 và Tầng 20 Toà nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Khu nhà ở đô thị tại phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì.

1.2. Địa điểm hoạt động: phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

1.3. Các Quyết định phê duyệt, điều chỉnh chủ trương đầu tư liên quan đến dự án: Chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh Phú Thọ.

1.4. Mã số thuế: 0600264117.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng nhà ở đô thị.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Tổng diện tích đất thực hiện dự án 172.360 m² tại phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Quy mô: Dự án nhóm B (theo tiêu chí phân loại dự án của Luật Đầu tư công); thuộc dự án đầu tư nhóm II theo tiêu chí phân loại dự án đầu tư của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Công suất: Đầu tư xây dựng khu nhà gồm 210 căn (92 căn biệt thự, 5 căn tái định cư và 113 căn nhà ở xã hội) và công trình hạ tầng kỹ thuật đồng bộ gồm: đường giao thông nội bộ, cảnh quan cây xanh và các tiện ích khác. Dân số dự kiến khoảng 840 người.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Tasco:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Tasco có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm theo quy định; Báo cáo kịp thời về Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định trong Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- GD, PGD Sở (Ô Thọ);
- UBND thành phố Việt Trì;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Chi cục BVMT;
- Trung tâm Kỹ thuật, CNTN và MT (đăng tải);
- Công ty Cổ phần Tasco;
- Lưu: VT (Long-10b).

Phạm Văn Quang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-TNMT
ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải phát sinh từ các xí tiểu, bồn cầu vệ sinh;
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ hoạt động tắm, rửa tay chân, lau sàn;
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống cống thoát nước B2000 hiện trạng của thành phố Việt Trì tại phố Anh Dũng, phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả nước thải: Góc phía Tây Nam của dự án tại phường Tiên Cát, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X: 2357050; Y: 566876 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $300 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: Liên tục.
- Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT (Cột A, K = 1) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt. Khuyến khích chủ dự án thực hiện quan trắc nước thải để tự theo dõi, giám sát hệ thống xử lý nước thải, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép ($C_{\max}$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m^3/h	-	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	5 - 9		
3	Amoni	mg/L	5		
4	TSS	mg/L	50		
5	Tổng chất rắn hòa tan	mg/L	500		

6	Dầu mỡ động, thực vật	mg/L	10	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
7	BOD ₅	mg/L	30		
8	Sunfua	mg/L	1,0		
9	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/L	30		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/L	6		
11	Tổng chất hoạt động bề mặt	mg/L	5		
12	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000		

Ghi chú: Các thông số nhiệt độ, pH, Tổng Coliform không áp dụng hệ số K_q và K_f

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh của từng căn hộ biệt thự được xử lý sơ bộ qua 92 bể tự hoại (thể tích 6 m³/bể) sau đó được thu gom vào đường ống HDPE D250 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh của từng căn hộ tái định cư và khu nhà ở xã hội được xử lý sơ bộ qua 118 bể tự hoại (thể tích 2,5 m³/bể) sau đó được thu gom vào đường ống HDPE D250 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh tại nhà công cộng được xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại (thể tích 6 m³) sau đó được thu gom vào đường ống HDPE D250 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh tại khu thương mại được xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại (thể tích 22 m³) sau đó được thu gom vào đường ống HDPE D250 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ các nhà vệ sinh của 80 hộ gia đình tại khu dân cư hiện trạng được xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại của từng hộ gia đình sau đó được thu gom vào 02 bể gom dung tích 10 m³/bể và dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động nấu ăn tại khu thương mại được xử lý sơ bộ qua 01 bể tách dầu mỡ (thể tích 11 m³) sau đó được thu gom vào đường ống HDPE D250 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải từ hoạt động tắm, rửa tay chân, lau sàn không qua bể tự hoại được thu gom vào đường ống HDPE D250 dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Các công trình xử lý nước thải:

+ 212 bể tự hoại 3 ngăn (tổng thể tích 875 m³).

+ 01 bể tách dầu mỡ (thể tích 11 m³).

+ 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 300 m³/ngày.đêm (01 Bể thu gom; 01 Bể tách mỡ; 01 Bể điều hòa; 01 Bể thiếu khí; 02 Bể hiếu khí; 01 Bể đặt màng MBR; 01 Bể chứa nước rửa màng MBR; 01 Bể khử trùng; 01 Bể chứa bùn).

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải:

Nước thải → Bể thu gom → Bể tách mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể đặt màng MBR → Bể chứa nước rửa màng MBR → Bể khử trùng → Hệ thống cống thoát nước B2000 hiện trạng của thành phố Việt Trì (Hệ thống có 01 bể chứa bùn).

- Hóa chất sử dụng: NaClO, NaHCO₃.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra công trình, thiết bị, đường ống, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường ống nước mưa, nước thải, các hồ ga để tăng khả năng thoát nước.

- Bố trí các nhân viên kỹ thuật vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung thực hiện vận hành, lấy mẫu phân tích và ghi chép nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

- Vận hành và bảo trì các máy móc, thiết bị trong hệ thống thường xuyên, theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.

- Trường hợp nước thải sau xử lý gặp sự cố phải dừng hoạt động xả nước thải và thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Bắt đầu từ ngày 01/08/2027, kết thúc ngày 30/8/2027.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày.đêm.

2.2.1 Vị trí lấy mẫu:

- Mẫu nước thải trước hệ thống xử lý.

- Mẫu nước thải sau hệ thống xử lý.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có

trong nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Thực hiện đúng quy định về vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.3. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

PHỤ LỤC 2

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-TNMT
ngày tháng năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Thọ)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	10
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	15
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	16 01 13	20
Tổng			45

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	25
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	15
3	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	18 01 03	35
Tổng			75

1.3. Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động duy tu, sửa chữa, lắp đặt nội thất theo yêu cầu của các hộ gia đình, thành phần chủ yếu là phế liệu sắt, thép, nhựa, gỗ thừa, bao bì nilon, bìa carton.... với khối lượng phát sinh: khoảng 3.650 kg/năm.

- Bùn từ hệ thống công thu gom, thoát nước mưa, nước thải khoảng 180 kg/năm.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh với khối lượng khoảng 960 kg/năm.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy (rau thừa, vỏ hoa quả, thức ăn thừa....), giấy phế thải,.... phát sinh với khối lượng khoảng 1.092 kg/ngày tương đương khoảng

398,58 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. *Thiết bị lưu chứa:* 6 thùng chứa, dung tích 100 lít/thùng.

2.1.2. *Kho lưu chứa:*

- Diện tích: 5 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Thiết kế mặt sàn khu vực lưu giữ bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ bảo đảm không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật; có vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. *Thiết bị lưu chứa:* 12 thùng chứa, dung tích 240 lít/thùng.

2.2.2. *Khu vực chứa:* Trên các tuyến đường trong khu vực dự án.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong quản lý chất thải:

Thực hiện việc phân định, phân loại, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, chất thải thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại các Điều 75, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ Môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ Môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

